

Số: /TB-BVSKTTBRVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu
Tại Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa - Vũng Tàu

Thực hiện Công văn số 3388/SYT-KHTC ngày 08 tháng 09 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Ngày 28/8/2025, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 399/NQ-HĐND quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý (Nghị quyết số 399/NQ-HĐND). Hiệu lực áp dụng từ ngày 28/8/2025.

Nay Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện áp dụng giá theo Nghị quyết số 399/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố, **kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.**

Trên đây là thông báo việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Kính đề nghị Trưởng, phó các khoa, phòng, toàn thể VC-NLĐ phổ biến và tuyên truyền rộng rãi cho người bệnh, thân nhân người bệnh được biết và thực hiện.

(Đình kèm: Danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa - Vũng Tàu)

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Bảo hiểm xã hội Tp HCM (để biết);
- Bảo hiểm xã hội cơ sở Tam Thắng (để phối hợp);
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Các Khoa, phòng (để biết và thực hiện);
- Tổ CNTT đăng Website BV;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Hồ Lộc

BẢNG GIÁ VIỆN PHÍ

(Đính kèm Thông báo số /TB-BVSKTTBRVT ngày tháng năm 2025 của
Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa - Vũng Tàu)

GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT				
(Ban hành theo Nghị Quyết số 399/NQ-HĐND ngày 28 tháng 08 năm 2025 của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh)				
Stt	Tên DVKT	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
1	Khám tâm thần	Cas	45.000	
2	Khám nội tổng hợp	Cas	45.000	
3	Giường nội khoa loại 1-khoa tâm thần	Cas	257.100	
4	Bảng nghiệm kê nhân cách hướng nội hướng ngoại (EPI)	Cas	35.600	
5	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cas	532.500	
6	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	Cas	16.000	
7	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cas	37.000	
8	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Cas	37.000	
9	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
10	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
11	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
12	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
13	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
14	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
15	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
16	Chụp X-quang cột sống cổ chéch hai bên [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
17	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	Cas	130.300	
18	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
19	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
20	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
21	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
22	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
23	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
24	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéch hai bên [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	

25	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéo hai bên [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
26	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
27	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
28	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
29	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
30	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
31	Chụp X-quang hàm chéo một bên [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
32	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
33	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
34	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
35	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên [số hóa 3 phim]	Cas	130.300	
36	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
37	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
38	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
39	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
40	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
41	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
42	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
43	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
44	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
45	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
46	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
47	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
48	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
49	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
50	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
51	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
52	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
53	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
54	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
55	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
56	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	

57	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [số hóa 3 phim]	Cas	130.300	
58	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
59	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
60	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
61	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
62	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
63	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
64	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
65	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
66	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
67	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
68	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
69	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
70	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
71	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
72	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
73	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
74	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
75	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
76	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
77	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
78	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
79	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
80	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
81	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
82	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	Cas	73.300	
83	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	Cas	105.300	
84	Đặt nội khí quản	Cas	600.500	
85	Đặt ống thông dạ dày	Cas	101.800	
86	Đặt sonde bàng quang	Cas	101.800	
87	Điện châm điều trị hội chứng stress	Cas	78.300	
88	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Cas	78.300	

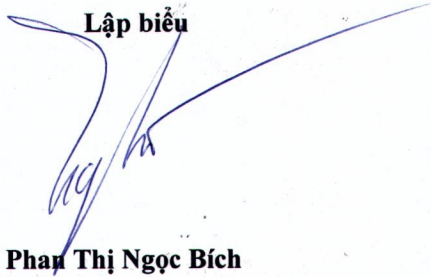
89	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Cas	78.300	
90	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Cas	78.300	
91	Điện tim thường	Cas	39.900	
92	Định lượng Acid Uric [Máu]	Cas	22.400	
93	Định lượng Albumin [Máu]	Cas	22.400	
94	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Cas	22.400	
95	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Cas	22.400	
96	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Cas	22.400	
97	Định lượng Creatinin (máu)	Cas	22.400	
98	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Cas	28.000	
99	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Cas	33.600	
100	Định lượng Ferritin [Máu]	Cas	84.100	
101	Định lượng Glucose (niệu)	Cas	14.400	
102	Định lượng Glucose [Máu]	Cas	22.400	
103	Định lượng HbA1c [Máu]	Cas	105.300	
104	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Cas	28.000	
105	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Cas	28.000	
106	Định lượng Mg [Máu]	Cas	33.600	
107	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Cas	22.400	
108	Định lượng Phospho (máu)	Cas	22.400	
109	Định lượng Sắt [Máu]	Cas	33.600	
110	Định lượng Urê máu [Máu]	Cas	22.400	
111	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiên đá)	Cas	42.100	
112	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật trên giấy)	Cas	42.100	
113	Định nhóm máu tại giường	Cas	42.100	
114	Đo điện não vi tính	Cas	75.200	
115	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	Cas	22.400	
116	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Cas	22.400	
117	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Cas	22.400	
118	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Cas	22.400	
119	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Cas	20.000	
120	Đo hoạt độ LDH (Lactate dehydrogenase) [Máu]	Cas	28.000	

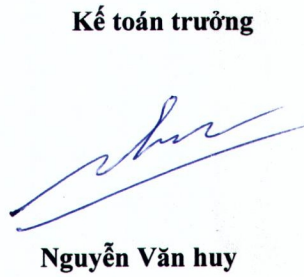
121	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	Cas	61.700	
122	Đo lưu huyết não	Cas	50.500	Nhi
123	Đo lưu huyết não	Cas	50.500	Tâm Thần
124	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	Cas	45.500	
125	Ghi điện não đồ vi tính	Cas	75.200	
126	Ghi điện não thường quy	Cas	75.200	
127	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Cas	39.900	
128	HIV Ab test nhanh	Cas	58.600	
129	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Cas	41.700	
130	Hút đờm hầu họng	Cas	14.100	
131	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Cas	74.600	
132	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Cas	70.800	
133	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Cas	35.100	
134	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	Cas	39.700	
135	Rửa dạ dày cấp cứu	Cas	152.000	
136	Siêu âm doppler xuyên sọ	Cas	252.300	
137	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Cas	58.600	
138	Siêu âm ổ bụng	Cas	58.600	
139	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Cas	58.600	
140	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Cas	532.400	
141	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Cas	45.500	
142	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	Cas	45.500	
143	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	Cas	40.600	
144	Test nhanh phát hiện chất opiat trong nước tiểu	Cas	44.800	
145	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	Cas	39.700	
146	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	Cas	39.700	
147	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Cas	28.600	
148	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	Cas	43.500	
149	Thang đánh giá hưng cảm Young	Cas	35.600	
150	Thang đánh giá lo âu - Hamilton	Cas	25.600	
151	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	Cas	35.600	
152	Thang đánh giá lo âu - Zung	Cas	25.600	

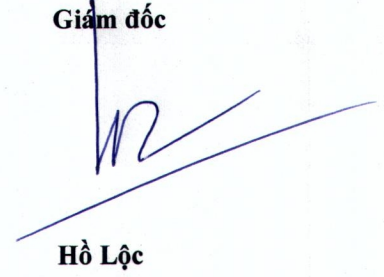
153	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	Cas	40.600	
154	Thang đánh giá nhân cách (CAT)	Cas	35.600	
155	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)	Cas	35.600	
156	Thang đánh giá nhân cách (TAT)	Cas	35.600	
157	Thang đánh giá nhân cách catell	Cas	35.600	
158	Thang đánh giá nhân cách Roschach	Cas	35.600	
159	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	Cas	40.600	
160	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	Cas	35.600	
161	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	Cas	40.600	
162	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	Cas	25.600	
163	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	Cas	25.600	
164	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ - 9)	Cas	35.600	
165	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)	Cas	35.600	
166	Thang đánh giá trầm cảm ở trẻ em	Cas	35.600	
167	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)	Cas	35.600	
168	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18-30 tháng (CHAT)	Cas	40.600	
169	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Cas	148.600	
170	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Cas	13.600	
171	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	Cas	52.100	
172	Thụt tháo	Cas	92.400	
173	Thủy châm điều trị mất ngủ	Cas	77.100	
174	Trắc nghiệm RAVEN	Cas	30.600	
175	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)	Cas	25.600	
176	Trắc nghiệm tâm lý Beck	Cas	25.600	
177	Trắc nghiệm tâm lý Raven	Cas	30.600	
178	Trắc nghiệm tâm lý Zung	Cas	25.600	
179	Trúng giun soi tập trung	Cas	45.500	
180	Vi khuẩn nhuộm soi	Cas	74.200	
181	Vibrio cholerae soi tươi	Cas	74.200	
182	Virus test nhanh	Cas	261.000	
183	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Cas	13.600	
184	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Cas	16.000	

185	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Cas	37.300	
186	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Cas	44.800	
187	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Cas	76.000	
188	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Cas	76.000	
189	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Cas	76.000	
190	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Cas	76.000	
191	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Cas	76.000	
192	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Cas	76.000	
193	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Cas	76.000	
194	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Cas	76.000	
195	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Cas	76.000	
196	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Cas	76.000	
197	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Cas	76.000	
198	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Cas	64.900	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2025

Lập biểu

Phan Thị Ngọc Bích

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn huy

Giám đốc

Hồ Lộc